

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 7 - 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Được
- Bà Lê Thị Hạnh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:** Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu, điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, vụ án thụ lý số 231A/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Thạch Thị T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Ấp T, xã Đ. huyện C, tỉnh Trà Vinh** (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Thạch Ngọc Đ**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (vắng mặt).

Ngoài ra, có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông **Lâm Phước H**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn **Thạch Thị T** trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị và anh **Thạch Ngọc Đ** xác lập quan hệ hôn nhân đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**. Quá trình chung sống giữa chị và anh **Đ** phát sinh nhiều mâu thuẫn luôn bất hòa, cãi vã do anh **T** thường uống rượu với bạn bè không lo gia đình, chị nhiều lần khuyên nhưng tính tình anh **Đ** không thay đổi mà anh bỏ đi sống riêng, không quan tâm chăm lo gia đình từ năm 2015 đến nay. Do đó chị **T** thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh **Thạch Ngọc Đ**.

- Về con chung tên: **Thạch Ngọc T1**, sinh ngày 20/9/2010 và **Thạch Ngọc T2**, sinh ngày 12/6/2015, chị **T** yêu cầu được nuôi các con; về cấp dưỡng nuôi con, chị **T** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **T** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị **T** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Chị **T** không có yêu cầu nào khác.

*Phía bị đơn **Thạch Ngọc Đ** vắng mặt tại phiên tòa.* Quá trình giải quyết anh **Đ** không cung cấp chứng cứ và không có lời khai nộp cho Tòa án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, bị đơn **Thạch Ngọc Đ** chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **T** được ly hôn với anh **Đ**. Giao con chung tên **Thạch Ngọc T1**, sinh ngày 20/9/2010 và **Thạch Ngọc T2**, sinh ngày 12/6/2015 cho chị **T** được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung chị **T** và anh **Đ** không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị xét miễn án phí cho chị **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện **C** nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh **Thạch Ngọc Đ** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị **Thạch Thị T** khởi kiện xin ly hôn với anh **Thạch Ngọc Đ** và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị **Thạch Thị T** và anh **Thạch Ngọc Đ** chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị **T** và anh **Đ** là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị **T** và anh **Đ** phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hoà thuận nên không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại. Anh **Thạch Ngọc Đ** đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh **T** không cung cấp chứng cứ, không có lời khai để nộp cho Tòa án xem xét; nhiều lần anh **T** không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và xét thấy việc vắng mặt anh **Đ** thể hiện không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị **T**.

Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc vì giữa anh chị không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **Thạch Ngọc Đ**. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị **T** và anh **Đ** ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Thạch Thị T**.

[4] Về con chung: Giữa chị **T** và anh **Đ** có hai người con chung tên **Thạch Ngọc T1**, sinh ngày 20/9/2010 và **Thạch Ngọc T2**, sinh ngày 12/6/2015. Chị **T** yêu cầu được nuôi con và các con có nguyện vọng được sống chung với chị **T**.

Xét thấy, chị **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và trong thời gian nuôi con thì chị **T** đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần và các con cũng có nguyện vọng được sống chung với chị **T**; phía anh **Đ** không có ý kiến về tranh chấp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao con chung tên **Thạch Ngọc T1**, sinh ngày 20/9/2010 và **Thạch Ngọc T2**, sinh ngày 12/6/2015 cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị **T** không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị **T** và anh **Đ** không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Xét thấy chị **Thạch Thị T** là người dân tộc sống tại **ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh** thuộc ấp có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị **T** có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét miễn toàn bộ án phí cho chị **T**.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Thạch Thị T**.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị **Thạch Thị T** ly hôn với anh **Thạch Ngọc Đ**.

- **Về con chung:** Giao con chung tên **Thạch Ngọc T1**, sinh ngày 20/9/2010 và **Thạch Ngọc T2**, sinh ngày 12/6/2015 cho chị **Thạch Thị T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh **Thạch Ngọc Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** và anh **Đ** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** và anh **Đ** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Miễn toàn bộ án phí cho chị **Thạch Thị T**.

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn **Thạch Thị T** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn **Thạch Ngọc**

Đ vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã nơi đkkh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa